

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25/01/2021.

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TN, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Thanh Hòa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hồng Sơn;
2. Bà Đinh Thị Thu Hằng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Tiên Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Không.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự: khai

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Thanh C, sinh năm 1974; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Bà Bùi Thị X, sinh năm 1972; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 12/10/2020, bản trình bày ngày 26/10/2020 ông Huỳnh Thanh C trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông và bà Bùi Thị X tự nguyện tìm hiểu tổ chức đám cưới năm vào năm 1999, nhưng đăng ký kết hôn vào năm 12/4/2001 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện TN.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được hơn một năm. Đến năm 2002, vợ chồng có hai con chung. Trong lúc vợ chồng cãi vã thì bà X dẫn theo con Huỳnh Thị Thu H về cha mẹ đẻ sống, để lại cho ông nuôi con

Huỳnh Thị Thu T. Từ đó, vợ chồng sống ly thân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn bà Bùi Thị X.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Huỳnh Thị Thu H, sinh ngày 10/4/1999 và Huỳnh Thị Thu T, sinh ngày 21/3/2001. Hai con đã trên 18 tuổi, khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ngoài ra ông không có yêu cầu khác.

*Tại bản trình bày ngày 12/11/2020, bị đơn bà Bùi Thị X trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà và ông C đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N. Trong quá trình chung sống, ông C thường xuyên đánh đập bà nên bà quyết định đưa con Huỳnh Thị Thu H về nhà cha mẹ để sinh sống, làm nhà ở cho đến nay. Nay, ông C yêu cầu ly hôn, bà đồng ý.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là Huỳnh Thị Thu H, sinh ngày 10/4/1999 và Huỳnh Thị Thu T, sinh ngày 21/3/2001. Hai con đã trên 18 tuổi, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung: Bà có đưa cho ông C 6 chỉ vàng để đóng góp sửa nhà gia đình cha mẹ chồng vào năm 1999. Khi bà đưa vàng không có viết giấy tờ. Bà yêu cầu ông C trả lại số vàng này cho bà nhưng bà không khởi kiện (yêu cầu) trong vụ án này. Bà sẽ khởi kiện, yêu cầu sau.

- Nợ chung: Không có

Ngoài ra bà không có yêu cầu khác.

*Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:* Không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu “*Ly hôn*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, HĐXX căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị X và ông Huỳnh Thanh C tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện TN

và được cấp chứng nhận đăng ký kết hôn. Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về căn cứ cho ly hôn: Trong quá trình hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn không còn tình cảm, không cùng nhau thực hiện xây dựng gia đình. Tòa án mở phiên hòa giải để hai bên hàn gắn tình cảm, đoàn tụ nhưng không tiến hành hoà giải được vì bà X vắng mặt. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2001 đến nay. Những tình tiết nêu trên đủ chứng tỏ mâu thuẫn tình cảm giữa ông C, bà X là trầm trọng, đời sống chung vợ chồng trên thực tế không còn, mục đích hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận yêu cầu của ông C, ông C được ly hôn với bà X.

[3.2] Về con chung: Huỳnh Thị Thu H, sinh ngày 10/4/1999 và Huỳnh Thị Thu T, sinh ngày 21/3/2001. Thời điểm xét xử chị H, chị T đã trên 18 tuổi nên HĐXX không nhận định.

[3.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có, bị đơn có trình bày nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX không nhận định.

[3.4] Về nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn khai không có, HĐXX không nhận định.

[4] Về án phí: Nguyên đơn ông Huỳnh Thanh C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Thanh C được ly hôn với bà Bùi Thị X.

2. Về án phí: Ông Huỳnh Thanh C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0005604 ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Ông Huỳnh Thanh C, bà Bùi Thị X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận :***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã X, huyện TN;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trương Thanh Hòa**